VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 8 /2026/VBHN-NĐ-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn

Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung, được bãi bỏ một phần bởi:

1. Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

2. Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 (riêng các quy định về phân cấp tại Phụ lục I có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026; các quy định về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh tại Mục 2 Phụ lục II có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025).

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,[1]

---

[1] Nghị định số 116/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch."

Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị quyết về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch."

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên lãnh thổ Việt Nam;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn là hoạt động tạo ra những sản phẩm nghệ thuật được định hình dưới dạng văn bản, âm thanh, hình ảnh để truyền đạt trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật tới công chúng dưới các hình thức biểu diễn nghệ thuật; lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

2. Biểu diễn nghệ thuật là hoạt động thể hiện các loại hình nghệ thuật biểu diễn, thi người đẹp, người mẫu hoặc kết hợp giữa loại hình nghệ thuật biểu diễn với trình diễn thời trang, các hoạt động văn hoá, thể thao.

3. Loại hình nghệ thuật biểu diễn bao gồm sân khấu, âm nhạc, múa và các hình thức diễn xướng dân gian từ truyền thống đến hiện đại của Việt Nam và thế giới.

4. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật là đưa sản phẩm âm thanh, hình ảnh có nội dung biểu diễn nghệ thuật được định dạng trên băng, đĩa, phần mềm và vật liệu khác để kinh doanh, khai thác, sử dụng trong xã hội.

Điều 3. Quy định cấm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn

1. Chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Xuyên tạc lịch sử, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm an ninh quốc gia; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo; phân biệt chủng tộc; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

3. Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại.

4. Sử dụng trang phục, từ ngữ, âm thanh, hình ảnh, động tác, phương tiện biểu đạt, hình thức biểu diễn hành vi trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc, tác động tiêu cực đến đạo đức, sức khỏe cộng đồng và tâm lý xã hội.

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện đúng với nội dung đã thông báo; nội dung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định tại Nghị định này;

c) Bảo đảm hoạt động có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống; phù hợp với lứa tuổi, giới tính theo quy định của pháp luật; trường hợp tổ chức cho trẻ em phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Thu hồi danh hiệu, giải thưởng đã trao cho tổ chức, cá nhân đạt giải theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

e) Không được sử dụng người biểu diễn trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn nghệ thuật;

g) Không được sử dụng danh hiệu, giải thưởng đã bị thu hồi, bị hủy hoặc danh hiệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định này trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật;

h) Dừng hoặc thay đổi thời gian, địa điểm, kế hoạch tổ chức biểu diễn nghệ thuật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Tham gia biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc tham gia biểu diễn nghệ thuật và được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định tại Điều 3 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Không lợi dụng hoạt động biểu diễn nghệ thuật để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

c) Không sử dụng danh hiệu, giải thưởng đã bị thu hồi, bị hủy hoặc danh hiệu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định này;

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Khai thác, sử dụng địa điểm theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc khai thác, sử dụng địa điểm.

2. Chủ địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định về hoạt động kinh doanh, điều kiện an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ, môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan;

b) Dừng hoặc thay đổi thời gian, quy mô hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật có quyền:

a) Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

2. Tổ chức, cá nhân lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật chịu trách nhiệm:

a) Không lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Thực hiện lưu chiểu theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Mục 1. TỔ CHỨC BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Điều 8. Hình thức tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị; biểu diễn nghệ thuật phục vụ nội bộ cơ quan và tổ chức, thực hiện thông báo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, nhà hàng không bán vé xem biểu diễn nghệ thuật, thực hiện thông báo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật khác không thuộc hình thức quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, thực hiện quy định tại Điều 10 Nghị định này.

4. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp trước công chúng được đăng tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình và môi trường mạng do người đăng, phát chịu trách nhiệm.

Điều 9. Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này thông báo tới cơ quan nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này trước khi tổ chức. Người đứng đầu chịu trách nhiệm thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt.

2. Cơ sở kinh doanh thực hiện hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này thông báo tới cơ quan nhà nước quy định tại điểm b khoản 3 Điều này trước khi tổ chức.

3. Cơ quan tiếp nhận thông báo:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức biểu diễn tiếp nhận thông báo của cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, ban, ngành trung ương, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức biểu diễn tiếp nhận thông báo của các tổ chức, cá nhân khác.

4. Trình tự tiếp nhận thông báo:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi thông báo bằng văn bản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan tiếp nhận thông báo ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

Điều 10. Điều kiện, thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này

1.[2] Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật:

a) Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

c) Có văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a)[3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật được tổ chức trên địa bàn quản lý không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục:

a) Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b)[4] Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt).

4. Thủ tục cấp văn bản chấp thuận:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức biểu diễn nghệ thuật;

---

[2] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục I Mục 2.Cắt giảm điều kiện sản xuất, kinh doanh, Phụ lục II của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

[3] Mục II Phụ lục I của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, quy định như sau:

"Việc chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn (sau đây gọi là Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

d) Trường hợp thay đổi nội dung biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức biểu diễn nghệ thuật đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật có văn bản thông báo gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận và chính quyền địa phương nơi tổ chức biểu diễn nghệ thuật ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức.

5.[5] Hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương thực hiện thông báo theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức biểu diễn sau khi có văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Mục 2. TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

Điều 11. Hình thức tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Cuộc thi, liên hoan phục vụ nhiệm vụ chính trị; cuộc thi, liên hoan dành cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý nội bộ của cơ quan và tổ chức, thực hiện thông báo theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Cuộc thi, liên hoan khác không thuộc hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện quy định tại Điều 13 Nghị định này.

---

[5] Mục II Phụ lục I của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, quy định như sau:

"Việc chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn (sau đây gọi là Nghị định số 144/2020/NĐ-CP) thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

3. Cuộc thi, liên hoan không trực tiếp trước công chúng được đăng tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình và môi trường mạng do người đăng, phát chịu trách nhiệm.

Điều 12. Thông báo tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này thông báo tới cơ quan nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này trước khi tổ chức. Người đứng đầu chịu trách nhiệm thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt.

2. Cơ quan tiếp nhận thông báo:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan tiếp nhận thông báo của cơ quan, đơn vị trực thuộc các bộ, ban, ngành Trung ương, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan tiếp nhận thông báo của các tổ chức, cá nhân khác.

3. Trình tự tiếp nhận thông báo:

Cơ quan, tổ chức gửi thông báo bằng văn bản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan tiếp nhận thông báo ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan.

Điều 13. Điều kiện, thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này

1.[6] Điều kiện tổ chức cuộc thi, liên hoan:

a) Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

c) Có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a)[7] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc

---

[6] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục II Mục 2.Cắt giảm điều kiện sản xuất, kinh doanh, Phụ lục II của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

[7] Mục III Phụ lục I của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, quy định như sau:

Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan được tổ chức trên địa bàn quản lý không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Thủ tục cấp văn bản chấp thuận:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

c)[8] Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

d) Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi, liên hoan đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan có văn bản thông báo gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận và chính quyền địa phương nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi, liên hoan.

5. Hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương thực hiện

---

"Việc chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc thi, liên hoan sau khi có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan toàn quốc và quốc tế của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Mục 3. TỔ CHỨC CUỘC THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU

Điều 14. Hình thức tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cuộc thi dành cho tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nội bộ của cơ quan và tổ chức, thực hiện thông báo theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Cuộc thi khác không thuộc hình thức quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Cuộc thi không trực tiếp trước công chúng được đăng tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình và môi trường mạng do người đăng, phát chịu trách nhiệm.

Điều 15. Thông báo tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức cuộc thi trước khi tổ chức. Người đứng đầu chịu trách nhiệm thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt.

2. Trình tự tiếp nhận thông báo:

Cơ quan, tổ chức gửi thông báo bằng văn bản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan tiếp nhận thông báo ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi.

Điều 16. Điều kiện, thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu quy định tại khoản 2 Điều 14

1.[9] Điều kiện tổ chức cuộc thi:

a) Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Phải đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

c) Có văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 1 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức cuộc thi.

---

[9] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục III Mục 2.Cắt giảm điều kiện sản xuất, kinh doanh, Phụ lục II của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan trực thuộc thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động tổ chức cuộc thi trên địa bàn đúng quy định của pháp luật.

4. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục:

a) Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Đề án tổ chức cuộc thi (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5. Thủ tục cấp văn bản chấp thuận:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền ít nhất 30 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

d) Trường hợp thay đổi nội dung cuộc thi đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã chấp thuận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị;

đ) Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc thi đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân đề nghị tổ chức cuộc thi có văn bản thông báo gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã chấp thuận và chính quyền địa phương nơi tổ chức cuộc thi ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức cuộc thi.

Mục 4. DỪNG HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT, THU HỒI DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG, HỦY KẾT QUẢ CỦA CUỘC THI, LIÊN HOAN ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM

Điều 17. Dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật bằng văn bản đối với một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Không thông báo hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định tại Nghị định này;

c) Vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật là cơ quan tiếp nhận thông báo hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận quy định tại Nghị định này.

3. Văn bản yêu cầu dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật phải nêu rõ lý do, thời điểm dừng.

4. Tổ chức, cá nhân phải dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kịp thời khắc phục hậu quả. Trường hợp tiếp tục thực hiện hoạt động biểu diễn nghệ thuật, tổ chức, cá nhân có văn bản đề xuất phương án tiếp tục tổ chức gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

6. Tổ chức, cá nhân bị dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc dừng hoạt động biểu diễn nghệ thuật và chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thu hồi danh hiệu, giải thưởng, hủy kết quả cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này yêu cầu thu hồi danh hiệu, giải thưởng bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan khi phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đạt danh hiệu, giải thưởng vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Danh hiệu, giải thưởng được trao tại cuộc thi, liên hoan không đúng với nội dung đề án theo hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận hoặc nội dung thông báo.

2. Tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan thu hồi danh hiệu, giải thưởng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thu hồi danh hiệu, giải thưởng và chịu trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp việc thu hồi không được thực hiện, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định quyết định hủy kết quả

cuộc thi, liên hoan sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản yêu cầu thu hồi và đăng tải thông tin hủy kết quả cuộc thi, liên hoan trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 5. DỰ THI NGƯỜI ĐẸP, NGƯỜI MẪU Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Điều kiện đối với cá nhân Việt Nam ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu[10]

1. Có giấy mời của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.

2. Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Không trong thời gian bị đình chỉ hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu

1. Cá nhân Việt Nam ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu phải thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú cấp văn bản xác nhận dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

2. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục:

a) Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b)[11] **(được bãi bỏ);**

c)[12] Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt.

3. Thủ tục cấp văn bản xác nhận:

a) Cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo yêu cầu hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản xác nhận (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đồng thời đăng tải

---

[10] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Mục IV Mục 2.Cắt giảm điều kiện sản xuất, kinh doanh, Phụ lục II của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

[11] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không xác nhận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

d) Trường hợp thay đổi nội dung đã được xác nhận, cá nhân có văn bản nêu rõ lý do gửi trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến tới cơ quan đã xác nhận. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đã xác nhận phải xem xét, quyết định và thông báo kết quả bằng văn bản tới cá nhân đề nghị.

4. Cá nhân chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận theo thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này không sử dụng danh hiệu đạt được tại cuộc thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam.

Chương III

LƯU HÀNH BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH CÓ NỘI DUNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Điều 21. Hình thức lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

1. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích thương mại do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm.

2. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại, thực hiện lưu chiểu theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

3. Lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên hệ thống phát thanh, truyền hình và môi trường mạng do người đăng, phát chịu trách nhiệm.

Điều 22. Điều kiện lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật; tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện lưu chiểu theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 23. Lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Tổ chức, cá nhân nộp lưu chiểu ít nhất 10 ngày trước khi lưu hành bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền như sau:

a) Bản ghi âm, ghi hình của tổ chức thuộc cơ quan Trung ương quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này nộp đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Bản ghi âm, ghi hình của tổ chức, cá nhân thuộc địa phương quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này nộp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Tiếp nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình:

Tổ chức, cá nhân gửi tờ khai nộp lưu chiểu (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo 02 bản ghi âm, ghi hình bằng hình thức trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình là thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật nhằm mục đích thương mại

1. Kiểm tra, đối chiếu và quyết định việc đình chỉ lưu hành, buộc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình khi phát hiện vi phạm quy định tại Điều 3 Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức kho lưu giữ bản ghi âm, ghi hình trong thời hạn 24 tháng và thực hiện thanh lọc hoặc thanh lý sau khi hết thời hạn lưu giữ.

Điều 25. Phân phối bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được phân phối bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan không trái với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không được trực tiếp phân phối bản ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 26. Xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn được quy định tại Nghị định này:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, phổ biến, giáo dục và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan quản lý, chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ, khen thưởng, hợp tác quốc tế về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật được truyền tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử và môi trường mạng; chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thông tin báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trong công tác tổ chức, thực hiện hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

2. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh, phòng chống cháy, nổ, trật tự xã hội cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật; phối hợp quản lý về an ninh, xuất, nhập cảnh với tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

3. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn phục vụ công tác đối ngoại chính trị và các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; chỉ đạo các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài quản lý, hỗ trợ tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đảm bảo thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa, các cơ quan trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động nghệ thuật biểu diễn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, phổ biến, giáo dục và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn.

4. Chỉ đạo công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ, khen thưởng, hợp tác quốc tế về hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn.

5. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn.

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[13,14]

Điều 30. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ

---

[13] Các khoản 1, 2, 3 và 6 Điều 31 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026, quy định như sau:

"Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

2. Cá nhân, tổ chức đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và đã được tiếp nhận để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối với các thủ tục đã được bãi bỏ nhưng tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm thông báo về thủ tục hành chính đã được bãi bỏ và trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

[14] Các Điều 4, 5 và 6 của Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026, quy định như sau:

"Điều 4. Tổ chức thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027;

c) Công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính;

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

2. Các quy định về phân cấp tại Phụ lục I có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Các quy định về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại Mục 2 Phụ lục II có hiệu lực cùng thời điểm với Phụ lục IV Luật Đầu tư năm 2025.

3. Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu

thuật; giấy phép dự thi người đẹp, người mẫu quốc tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

2. Các cuộc thi người đẹp, người mẫu đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp văn bản chấp thuận địa điểm tổ chức dược triển khai thực hiện theo giấy phép và văn bản chấp thuận đã được cấp.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Quy định tại các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực:

a) Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

b) Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật;

c) Điều 6 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

---

lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận, phù hợp với thời điểm áp dụng của từng quy định theo Điều 5 Nghị quyết này.

2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được cắt giảm thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu."

các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Tạ Quang Đông

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo điện tử);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở VHTTDL, Sở VHTT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, NTBD.NL.99.

Phụ lục

(Kèm theo Văn bản hợp nhất số 8 /2026/VBHN-NĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mẫu số 01	Văn bản thông báo hoạt động biểu diễn nghệ thuật
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật
Mẫu số 03	Văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn
Mẫu số 05	Đề án tổ chức cuộc thi, liên hoan
Mẫu số 06	Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn
Mẫu số 07	Văn bản đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
Mẫu số 08	Đề án tổ chức cuộc thi
Mẫu số 09	Văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
Mẫu số 10	Tờ khai về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu
Mẫu số 11	Văn bản xác nhận cá nhân Việt Nam dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài
Mẫu số 12	Tờ khai nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

Mẫu số 01

....(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v thông báo hoạt động biểu diễn nghệ thuật	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ... (2)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1)... thông báo hoạt động biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Thông tin về hoạt động biểu diễn nghệ thuật: ...

- Đối với hoạt động tổ chức biểu diễn ghi rõ tên, nội dung chính.

- Đối với hoạt động tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn ghi rõ tên, chủ đề, hình thức, loại hình nghệ thuật biểu diễn, nội dung chính, danh hiệu, giải thưởng, thành phần ban giám khảo của cuộc thi, liên hoan.

- Đối với hoạt động tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu ghi rõ tên hình thức, nội dung chính, danh hiệu, giải thưởng, thành phần ban giám khảo của cuộc thi.

2. Thời gian tổ chức: .....

3. Địa điểm tổ chức: ... (3) .....

4. Dự kiến thành phần, số lượng người tham dự: .....

5. Người chịu trách nhiệm chính nội dung: .....

6. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

- Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu của cá nhân, tổ chức (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ... (4) .....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

Nơi nhận: - Như trên; -.....; - Lưu: ...	**CƠ QUAN/TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo hoạt động biểu diễn nghệ thuật

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu số 02

....(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ... (2)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1)... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có): .....
2. Thời gian tổ chức: .....
3. Địa điểm tổ chức: ... (3) .....
4. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức duyệt chương trình: .....
5. Người chịu trách nhiệm chính nội dung: .....
6. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);
- Việc tôn vinh, vinh danh danh hiệu của cá nhân, tổ chức (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ... (4) .....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: ...	**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu số 03

....(1)... ....(2)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ... (3) ...

Căn cứ Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ..., ngày...tháng...năm... của ... (3) ... đề nghị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, ... (2) ... chấp thuận ... (3) ... tổ chức biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên chương trình biểu diễn nghệ thuật (tên nước ngoài nếu có):
2. Thời gian tổ chức
3. Địa điểm tổ chức: ...(4)
4. Nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật: ... (5)
5. Người chịu trách nhiệm chính nội dung:
6. Thời gian, địa điểm duyệt chương trình (nếu có):

.. .(3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- Báo cáo ... (2) ... việc thực hiện những nội dung đã đăng ký và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc chương trình biểu diễn nghệ thuật./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: ...	**THỦ TRƯỞNG/ĐẠI DIỆN CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

(3) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật

(4) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức biểu diễn nghệ thuật

(5) Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả được chấp thuận.

Mẫu số 04

....(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ...(2)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): .....
2. Thời gian tổ chức: .....
3. Địa điểm tổ chức: ... (3) .....
4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: ... (4) .....
5. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết, phối hợp (nếu có).

Tài liệu kèm theo: ...(5) .....

...(1)... cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: ...	**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(4) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

(5) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu số 05

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ....

ĐỀ ÁN TỔ CHỨC CUỘC THI, LIÊN HOAN
"..(2).."

1. Tên gọi, đơn vị tổ chức cuộc thi, liên hoan

1.1. Tên gọi: "...(2)..."

1.2. Đơn vị tổ chức: "...(1)..."

2. Loại hình nghệ thuật biểu diễn

Phần này ghi rõ các loại hình nghệ thuật biểu diễn được tổ chức thi, liên hoan

3. Mục đích, ý nghĩa cuộc thi, liên hoan

Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi, liên hoan được nêu rõ và phải phù hợp với tên gọi của cuộc thi, liên hoan.

4. Điều kiện, đối tượng tham gia cuộc thi, liên hoan

4.1. Điều kiện tham gia

4.2. Đối tượng tham gia

5. Nội dung, trình tự tổ chức

5.1. Công bố cuộc thi, liên hoan

- Thời gian
- Cách thức, nội dung thông báo tổ chức

5.2. Vòng thi .../Chương trình liên hoan ...

- Thời gian, địa điểm
- Nội dung thi, liên hoan
- Công bố kết quả

5.3. Vòng thi .../Chương trình liên hoan ...

6. Danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

6.1. Danh hiệu và giá trị giải thưởng

6.2. Thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

7. Quy chế chấm giải

Ngoài các quy chế chấm giải của cuộc thi, liên hoan do đơn vị tổ chức quy định, phần này ghi rõ thành phần ban giám khảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên đáp ứng năng lực chuyên môn về loại hình nghệ thuật biểu diễn trong cuộc thi, liên hoan.

8. Kinh phí tổ chức

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí)

9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

Phần này ghi rõ quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên kết, nhà tài trợ, thí sinh,... kèm theo cam kết phải chịu trách nhiệm xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tổ chức cuộc thi, liên hoan của đơn vị.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Tên cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

Mẫu số 06

....(1)... ....(2)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ...(3)...

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ..., ngày...tháng ... năm ... của ... (3) ...đề nghị tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn, ... (2) ...chấp thuận ... (3) ... tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn như sau:

1. Tên cuộc thi, liên hoan (tên nước ngoài nếu có): .....
2. Thời gian tổ chức: .....
3. Địa điểm tổ chức: ... (4) .....
4. Loại hình nghệ thuật biểu diễn: ... (5) .....
5. Nội dung cuộc thi, liên hoan: ... (6) .....

... (3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;
- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn;
- Báo cáo ... (2) ... về kết quả cuộc thi, liên hoan và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: ...	**THỦ TRƯỞNG/ĐẠI DIỆN CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(4) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(5) Ghi rõ loại hình nghệ thuật biểu diễn của cuộc thi, liên hoan.

(6) Đề án cuộc thi, liên hoan được chấp thuận.

Mẫu số 07

....(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ... tháng ... năm ....*
V/v đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	

Kính gửi: … (2) …

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có): .....
2. Thời gian tổ chức: .....
3. Địa điểm tổ chức: ... (3) .....
4. Thông tin liên quan:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết, phối hợp (nếu có);

Tài liệu kèm theo: ... (4) .....

...(1)... cam kết thực hiện đúng những nội dung trên theo các quy định của pháp luật và có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

Nơi nhận:	**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- ....;	
- Lưu: ...	

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(4) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu số 08

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ....

ĐỀ ÁN TỔ CHỨC CUỘC THI
"... (2) ..."

1. Tên gọi, đơn vị tổ chức cuộc thi

1.1. Tên gọi: "...(2)..."

1.2. Đơn vị tổ chức: "...(1)..."

2. Mục đích, ý nghĩa cuộc thi

Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi được nêu rõ và phải phù hợp với tên gọi của cuộc thi.

3. Điều kiện, đối tượng tham gia dự thi

3.1. Điều kiện dự thi

3.2. Đối tượng dự thi

4. Nội dung, trình tự tổ chức

4.1. Công bố cuộc thi

- Thời gian
- Cách thức, nội dung thông báo tổ chức

4.2. Vòng thi ...

- Thời gian, địa điểm
- Nội dung thi
- Công bố kết quả

4.3. Vòng thi ...

5. Danh hiệu, giá trị giải thưởng và thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

5.1. Danh hiệu và giá trị giải thưởng

5.2. Thời gian trao danh hiệu, giải thưởng

6. Quy chế chấm giải

7. Kinh phí tổ chức

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh nguồn kinh phí)

8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

Phần này ghi rõ quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên kết, nhà tài trợ, thí sinh... kèm theo cam kết phải chịu trách nhiệm xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tổ chức cuộc thi của đơn vị.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Tổ chức, cá nhân đề nghị.

(2) Tên cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Mẫu số 09

....(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: ... (2) ...

Căn cứ Nghị định số .. ./20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Trả lời văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (2) ...đề nghị tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu, ... (1) ...chấp thuận ... (2) ... tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài nếu có):

2. Thời gian tổ chức:

3. Địa điểm tổ chức: ... (3)

4. Nội dung cuộc thi: ... (4)

... (2) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Tuân thủ quy định về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường, y tế và phòng, chống cháy nổ, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan trước và trong quá trình tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu;

- Báo cáo... (1) ... về kết quả cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi người đẹp, người mẫu./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG/ĐẠI DIỆN CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(2) Tên, thông tin tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(3) Địa chỉ khu vực/cơ sở tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu.

(4) Đề án cuộc thi được chấp thuận.

Mẫu số 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI
Về việc ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu

Kính gửi: ... (1) ...

Họ tên: .....

Thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Căn cứ Nghị định số .. ./20..../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, tôi đăng ký ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): .....
2. Thời gian tham gia: .....
3. Địa điểm tham gia: ... (2) .....

Tài liệu kèm theo: ... (3) .....

... (1) ... xin cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên theo các quy định của pháp luật hiện hành./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho cá nhân Việt Nam dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

(2) Tỉnh/thành phố của quốc gia nơi tổ chức cuộc thi.

(3) Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính và các tài liệu khác (nếu có).

Mẫu số 11

....(1)... ....(2)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... V/v xác nhận cá nhân Việt Nam dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

Kính gửi: …(3)…

Căn cứ Nghị định số .../20.. ./NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

Xét tờ khai ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ..., ... (2) ... xác nhận ... (3) ... dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài như sau:

1. Tên cuộc thi (tên nước ngoài): .....

2. Thời gian tham gia: .....

3. Địa điểm tham gia: .....

... (3) ... có trách nhiệm:

- Chấp hành quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

- Chấp hành các quy định của pháp luật nước sở tại;

- Thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam để ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu;

- Báo cáo về ... (2) ... kết quả tham gia cuộc thi và các kiến nghị cụ thể (nếu có) sau khi kết thúc cuộc thi./.

Nơi nhận: - Như trên; - ....; - Lưu: VT, ...	**THỦ TRƯỞNG/ĐẠI DIỆN CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận cho cá nhân Việt Nam dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài.

(3) Tên, thông tin của cá nhân Việt Nam ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu.

Mẫu số 12

....(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ....

TỜ KHAI
Nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật

Kính gửi: ... (2)...

Căn cứ Nghị định số .. ./20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, ... (1) ... nộp lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật như sau:

1. Tên bản ghi âm, ghi hình (tên nước ngoài nếu có): .....
2. Nhà sản xuất: .....
3. Định dạng sản phẩm: ... (3) .....
4. Năm sản xuất/nhập khẩu: .....
5. Thông tin liên quan:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên kết (nếu có);

Tài liệu kèm theo: ... (4) .....

...(1)... cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....;
- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Tổ chức, cá nhân nộp lưu chiểu.

(2) Cơ quan nhà nước tiếp nhận lưu chiểu bản ghi âm, ghi hình có nội dung biểu diễn nghệ thuật.

(3) Hình thức lưu hành bản ghi âm, ghi hình.

(4) Bản ghi âm, ghi hình được lưu hành và các tài liệu khác (nếu có).